

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2017/DS-ST.

Ngày 15/9/2017.

“V/v Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Chúc.

Ông Huỳnh Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:50/2015/TLST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2015, về tranh chấp đòi lại tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2017/QĐXXST-DS, ngày 16/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thạch T, sinh năm 1946. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp L H, xã TH S, huyện C N, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Hùng H – Văn phòng Luật sư H H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Chị Kiên Thị P, sinh năm 1983. Có mặt.

Anh Kiên Ú, sinh năm 1982. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp L H, xã T H S, huyện C N, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Thạch S, sinh năm 1985. Có mặt.

Bà Thạch Thị Ú, sinh năm 1946. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp L H, xã T H S, huyện C N, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2014, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Thạch T trình bày: Vào khoảng 21 giờ, ngày 22/8/2011, ông và anh S đi ra ao nuôi tôm cách nhà khoảng 02 cây số, ở nhà chỉ có bà Thạch Thị Ú (vợ ông) và chị P (là dâu), lúc này chị P rủ anh Kiên Ú vào nhà rồi dẫn vào phòng ngủ bị bà Ú phát hiện, anh Kiên Ú bỏ chạy, còn chị P mở tủ lấy 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng rồi khỏi nhà bỏ đi. Khi sự việc xảy ra, ông không về nhà mà vẫn ngủ ở chòi nuôi tôm, sáng ngày 23/8/2011 ông về nhà thì nghe bà Ú kể lại toàn bộ sự việc. Ông có báo Công an ấp đến có lập biên bản hay không lâu quá ông không nhớ, đến ngày 12/3/2014 ông mới làm đơn khởi kiện gửi đến tòa. Ông thừa nhận là không có chứng cứ gì để chứng minh 35 chỉ vàng chị P lấy là tài sản của ông. Nay ông yêu cầu giải quyết buộc chị P và anh Kiên Ú trả lại 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Chị Kiên Thị P trình bày: Vào khoảng 21 giờ, ngày 22/8/2011, chị có gọi anh Kiên Ú (là chú của chị) đến nhà để chở chị đi tỉnh Bình Phước làm thuê, khi Kiên Ú đến nhà thì đi vào phòng ngủ của chị để phụ xách đồ thì bị bà Ú mẹ chồng bắt gặp, cho rằng chị ngoại tình rồi điện báo anh S chồng chị biết, lúc này chị mở tủ của vợ chồng để lấy quần áo và lấy 35 chỉ vàng 24 kra là tài sản của vợ chồng rồi rời khỏi nhà. Nay chị bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Bởi vì chị không có lấy 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng của ông T và bà Ú nên chị không đồng ý trả. Còn 35 chỉ vàng 24 kra chị lấy là tài sản của vợ chồng chị, không phải tài sản của ông T. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Anh Kiên Ú trình bày: toàn bộ nội dung sự việc theo lời trình bày của chị Kiên Thị P là đúng. Anh khẳng định là anh không có lấy 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng của ông T và bà Ú, còn P có lấy hay không thì anh không biết, vì anh không có chứng kiến. Nay anh bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Bà Thạch Thị Ú trình bày: Vào khoảng 21 giờ, ngày 22/8/2011, S và ông T đi ra chòi nuôi tôm cách nhà hơn 02 cây số, chỉ có bà và chị P ở nhà, lúc này chị P rủ Kiên Ú đi vào phòng ngủ bị bà bắt gặp 02 người đang nằm trong phòng, lúc này anh Ú bỏ chạy, còn chị P mở tủ lấy 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng rồi khỏi nhà. Bà điện thoại báo cho S hay, khi S về đến nhà thì chị P đã đi rồi, tìm không gặp, chỉ có mình chị P mở tủ lấy đồ, còn Kiên Ú không có mở tủ mà đi ra ngoài sân đứng chờ chị P. Số vàng và tiền bị mất bà để trong tủ, chìa khóa tủ bà giữ để trên đầu tủ thờ, chị P ở lâu năm nên biết rõ và tự ý lấy chìa khóa mở tủ, khi P mở tủ bà không ngăn cản. Nay bà yêu cầu giải quyết buộc chị P trả 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Anh Thạch S trình bày: Vào khoảng 21 giờ, ngày 22/8/2011, lúc này anh và ông T đang ở chòi nuôi tôm, thì bà Ú điện báo là chị P và anh Kiên Ú đang nằm trong phòng ngủ bị bà bắt gặp, khi phát hiện thì Ú bỏ chạy, còn chị P mở tủ lấy 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng rồi khỏi nhà. Khi anh về đến nhà thì P đi rồi, tìm không gặp. Số vàng 35 chỉ mà P lấy đi không phải là tài sản của vợ chồng anh. Nay anh yêu cầu giải quyết buộc chị P phải trả 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng cho ông T và bà Ú. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư Võ Hùng H bảo vệ cho ông T ý kiến: Đối với 35 chỉ vàng 24 kra chị P khai nhận có lấy, nguồn vàng có được là do ông T cho tiền vợ chồng chị P đi mua, nhưng ông T cho rằng không có cho tiền để mua vàng, từ đó xác định 35 chỉ vàng 24 kra chị P lấy là tài sản của ông T, nên buộc chị P trả lại số vàng này cho ông T. Đối với 10.000.000 đồng, do chị P không thừa nhận có lấy, ông T cũng không chứng minh được, nên không yêu cầu chị P phải trả lại số tiền này.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Xét thấy ông T khởi kiện yêu cầu chị P, anh Kiên Ú trả 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng cho ông T, nhưng ông T không có chứng cứ gì để chứng minh chị P và anh Kiên Ú lấy tài sản này. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông T. Buộc ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy ông T khởi kiện chị P và anh Kiên Ú yêu cầu chị P, anh Kiên Ú trả 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng, đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản được quy định tại khoản 02 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

Xét thấy ông T là cha chồng của chị P cùng chung sống một nhà, ngày 22/8/2011 ông T cho rằng chị P mở tủ (do ông và bà Ú quản lý) lấy 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng, sáng ngày 23/8/2011 ông có báo Công an ấp, xã đến xác minh nhưng không có lập biên bản sự việc xảy ra, ông cũng không yêu cầu Công an huyện Cầu Ngang làm rõ vụ việc này. Sự việc xảy ra từ ngày 22/8/2011 mãi đến ngày 12/3/2014 ông mới viết khởi kiện đến ngày 02/4/2015 gửi đơn cho Tòa án nhận thụ lý, trong khoảng thời gian 03 năm 8 tháng, ông T hoàn toàn không có hành vi khiếu nại đến Công an các cấp về việc ông bị mất số tài sản nêu trên nhưng không được giải quyết. Ông cho rằng nhà ông có nhiều tủ, số vàng và tiền ông bị mất ngày 22/8/2011 ông để trong tủ nào thì không xác định được, thời điểm bị mất vàng và tiền tủ này do ai quản lý, quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, tài sản bị mất là 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng, số tài sản này có hay không thì ông T không có một chứng cứ gì để chứng minh.

Mặt khác anh Kiên Ú khai là anh không có lấy vàng và tiền của ông T, bởi vì khi bà Ú phát hiện anh và chị P ở trong phòng ngủ thì anh bỏ đi ra ngoài sân, việc chị P có

mở tủ lấy tài sản hay không thì anh không biết, lời khai của anh Kiên Ú là phù hợp với lời khai của bà Ú là người trực chứng kiến chỉ có chị P mở tủ lấy đồ, điều đó đã chứng minh là anh Kiên Ú không có lấy 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng của ông T và bà Ú.

Tại phiên tòa chị P khai nhận có mở tủ của vợ chồng chị để lấy 35 chỉ vàng 24 kra rồi khỏi nhà vào lúc 21 giờ ngày 22/8/2011, chị cho rằng số vàng này là tài sản của vợ chồng có được cụ thể như sau: Năm 2005 tiền cưới mua được 10 chỉ vàng; cha mẹ ruột chị cho 03 chỉ vàng 24 kra, đôi bông 01 chỉ, vợ chồng mua 01 chỉ vàng 24 kra. Năm 2009 cha mẹ chồng cho 20.000.000 đồng mua 10 chỉ vàng 24 kra loại dây chuyền; Năm 2010 cha mẹ chồng cho 30.000.000 đồng mua tiếp 10 chỉ vàng 24 kra (là 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 05 chỉ). Chị khẳng định là không có lấy tài sản của ông T và bà Ú, nên chị không đồng ý trả.

Tại Điều 163 của Bộ luật dân sự năm 2005 có quy định “*Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản*”. Đối chiếu quy định này thì số vàng và tiền bị mất được xác định là tài sản, theo quy định pháp luật ông T phải chứng minh trước 21 giờ ngày 22/8/2011 ông có số tài sản là 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu của ông T và bà Ú, nhưng ông T và bà Ú không chứng minh được việc này, nên việc mất tài sản có hay không thì ông T không chứng minh được. Đối với 35 chỉ vàng 24 kra chị P khai lấy vào khoảng 21 giờ ngày 22/8/2011 là tài sản của vợ chồng chị, ông T và bà Ú cũng không có chứng cứ gì để phản bác lại chị P để chứng minh 35 chỉ vàng 24 kra thuộc quyền sở hữu của mình. Khi chị P mở tủ lấy đồ, bà Ú trực tiếp chứng kiến mặt nhiên đề cho chị P lấy tài sản, bà Ú hoàn toàn không có một hành vi kháng cự lại chị P khi mở tủ lấy đồ.

Tại phiên tòa anh S khai số vàng và số tiền của ông T bị mất có hay không thì anh không biết, bởi vì ông T, bà Ú mua vàng không có báo cho anh, nên 40 chỉ vàng và 10.000.000 đồng có hay không thì anh không biết nhưng anh lại khẳng định 35 chỉ vàng chị P lấy đi là tài sản của ông T bà Ú là không có cơ sở.

Tại công văn số: 62/CV-CSĐT, ngày 09/8/2017 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Cầu Ngang xác nhận vụ việc xảy ra đã lâu, hiện trường vụ việc không còn, chỉ có duy nhất lời khai của ông T khai bị mất 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng là do chị P lấy, chị P thì không thừa nhận nên chưa có đủ cơ sở kết luận có vụ trộm cắp tài sản xảy ra.

Do phía chị P và anh Kiên Ú không thừa nhận có lấy tài sản của ông T, căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nghĩa vụ chứng minh 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng có hay không và chứng minh chị P, anh Kiên Ú có lấy vàng và tiền hay không là thuộc nghĩa vụ của ông T và bà Ú, do ông T và bà Ú không có chứng cứ gì để chứng minh, từ đó xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T cho rằng chị P và anh Kiên Ú lấy 40 chỉ vàng 24 kra và 10.000.000 đồng và yêu cầu trả lại là không có căn cứ. Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Xét lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư Võ Hùng H bảo vệ cho nguyên đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Theo biên bản thỏa thuận về giá tài sản tranh chấp ngày 16/8/2017, một chỉ vàng 24 kra giá 3.490.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 02 Điều 26, các Điều 147, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 255, 256, 257 của Bộ Luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 3 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của ông Thạch T yêu cầu chị Kiên Thị P và anh Kiên Ú liên đới nghĩa vụ trả 40 chỉ vàng 24 kra loại 99% và 10.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Thạch T nộp 7.480.000 đồng nhưng được trừ vào 3.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: No 0009939, ngày 25/3/2015 do ông T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Buộc ông Thạch T có nghĩa vụ nộp tiếp 4.030.000 đồng án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lý Thanh Lâm